

# CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH KHUNG NĂNG LỰC CƠ BẢN CẦN CÓ Ở HỌC SINH PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN HỒNG THUẬN  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi các quốc gia trên thế giới cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho nước mình. Do vậy, cần có sự chuyển đổi cả về cơ cấu, chất lượng nhân lực để thích ứng được với trình độ công nghệ của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh đó, Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) phải làm gì? Phải bắt đầu từ đâu? Làm như thế nào? Tại sao lại làm như vậy?...

Câu trả lời dường như phù hợp với xu hướng chung và với điều kiện riêng của nước ta, đó là GD&ĐT phải có những thay đổi một cách căn bản và toàn diện, từ triết lý, mục tiêu đến nội dung, phương pháp, hình thức GD&ĐT,... nhằm phát triển cho người học hệ thống năng lực cần thiết để có thể tham gia vào thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Phải khẳng định rằng, phát triển năng lực cho mỗi cá nhân (bao gồm: tri thức, kĩ năng- kĩ xảo và các phẩm chất tâm lý cần thiết,...) phải được bắt đầu từ giai đoạn giáo dục cơ sở (giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (GDPT)). Vì vậy, phát triển chương trình GDPT dựa trên tiếp cận năng lực là một lựa chọn tất yếu khách quan và phù hợp với xu thế chung.

Nhìn từ góc độ tâm lý học, xã hội học và giáo dục học, bài viết này sẽ tập trung bàn luận về 3 vấn đề chính, đó là: Quan niệm về năng lực; Cơ sở để xác định khung năng lực chung- cơ bản cần có đối với học sinh (HS) phổ thông Việt Nam; Các cấp độ phát triển năng lực ở HS phổ thông. Đây cũng là cơ sở ban đầu mang tính chất định hướng cho việc triển khai những khâu tiếp theo trong quá trình Xây dựng và phát triển chương trình GDPT sau 2015.

## 2. Quan niệm về năng lực

"Năng lực" có thể được hiểu theo nhiều góc độ và tầng bậc khác nhau. Với mỗi cách hiểu, sẽ có những thuật ngữ (*tiếng Anh*) tương ứng, chẳng hạn như: Capability/Ability, Competence, Attribute,...

Khái niệm đang được quan tâm là năng lực hành động (*competence*): là khả năng thực hiện hiệu quả/đạt tiêu chuẩn các hành động, các vấn đề liên quan đến một lĩnh vực nhất định dựa trên cơ sở hiểu biết, kĩ năng, kĩ xảo và sự sẵn sàng hành động.

Chúng tôi quan niệm năng lực cần đạt của HS phổ thông là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức những kiến thức, kĩ năng cơ bản và các yếu tố tâm lý cá nhân cần thiết (gồm: thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân...) nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định.

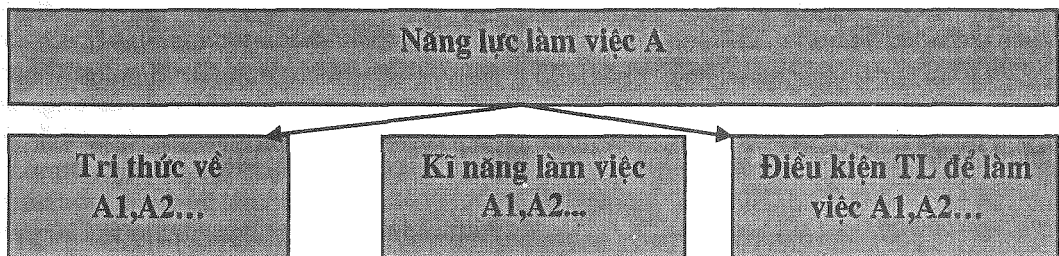
Theo Đặng Thành Hưng (2006), "năng lực" được cấu thành từ ba bộ phận cơ bản:

1/ Tri thức về lĩnh vực hoạt động hay quan hệ nào đó; Ví dụ: Để làm việc A, cần có tri thức liên quan đến hoạt động A1, A2,.. vì mỗi công việc thường bao gồm một số hoạt động cụ thể.

2/ Kĩ năng tiến hành hoạt động hay ứng xử trong quan hệ đó;

3/ Những điều kiện tâm lý để thể hiện tri thức và tổ chức thực hiện kĩ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng, chẳng hạn ý chí- động cơ, tình cảm- thái độ đối với nhiệm vụ, hoặc nói chung là tính tích cực trí tuệ, tính tích cực giao tiếp, tính tích cực học tập...

Một trong 3 cấu tạo tâm lý nói trên khi tách riêng nhau ra đều là những dạng chuyên biệt của



Hình 1: Cấu trúc năng lực

năng lực: có loại năng lực ở dạng tri thức (năng lực biết), có loại năng lực ở dạng kĩ năng (năng lực làm), có loại năng lực ở dạng xúc cảm, biểu cảm (năng lực biểu cảm). Khi kết hợp cả 3 lại, vẫn là năng lực nhưng mang tính chất hoàn thiện hơn và khái quát hơn. Có thể biểu diễn cấu trúc năng lực bằng sơ đồ sau:

### 3. Một số đặc điểm của năng lực

- Năng lực chỉ có thể quan sát và nhận thấy được qua hoạt động của cá nhân ở các tình huống nhất định.

- Năng lực luôn tồn tại dưới hai hình thức:

*Năng lực chung* là những năng lực cần thiết cho mọi cá nhân để có thể tham gia hiệu quả trong nhiều loại hoạt động và các bối cảnh khác nhau của đời sống xã hội.

*Năng lực chuyên biệt* chỉ cần thiết đối với một số người hoặc cần thiết ở một số lĩnh vực hoạt động nhất định.

- Năng lực được hình thành và phát triển ở trong và ngoài nhà trường. Nhà trường được coi là môi trường chính thức giúp HS có được năng lực chung. Những bối cảnh và không gian khác như: gia đình, cộng đồng, phương tiện thông tin đại chúng, tôn giáo và môi trường văn hoá,... góp phần bổ sung và hoàn thiện năng lực cá nhân.

- Năng lực và các thành tố của nó không bất biến mà có thể thay đổi từ năng lực sơ đẳng, thụ động tới năng lực bậc cao mang tính tự chủ cá nhân. Vì vậy, để xem xét năng lực của một cá nhân nào đó chúng ta không chỉ nhằm tìm ra cá nhân đó có những thành tố năng lực nào mà còn phải chỉ ra mức độ của những năng lực đó.

- Năng lực được hình thành và cải thiện liên tục trong suốt cuộc đời con người vì sự phát triển năng lực về thực chất là làm thay đổi cấu trúc nhận thức và hành động của cá nhân chứ không chỉ đơn thuần là sự bổ sung các mảng kiến thức riêng rẽ. Năng lực có thể bị yếu hoặc mất đi nếu như chúng không được phát triển tích cực và thường xuyên.

- Các thành tố của năng lực thường đa dạng vì chúng được quyết định tùy theo yêu cầu của từng bối cảnh cụ thể. Ví dụ, năng lực chung của HS ở quốc gia này có thể không hoàn toàn giống với một HS ở quốc gia khác.

### 4. Xác định khung năng lực cơ bản cho HS phổ thông

- Theo truyền thống, nội dung giáo dục thường được tổ chức thành các môn học và các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, một trong những cách xử lí nội dung giáo dục dễ gây sai lầm là tuyệt đối hóa vai trò tương đối độc lập của các môn học.

Theo chúng tôi, nên cơ cấu theo các lĩnh vực học tập và có xu hướng phân hóa dần từ dưới lên trên: ở bậc mầm non và tiểu học, khoa học có nội dung tích hợp, ở THCS tách riêng ra một số môn, ở THPT càng tách nhiều nhánh hơn nữa, ở đại học thì được tách ra theo tính chất của ngành đào tạo. Theo cách này, chương trình GDPT được phát triển trên nguyên tắc tạo lập năng lực theo khả năng của từng HS và phải gắn với các nội dung và các hoạt động đặc thù của HS trong quá trình giáo dục, giúp HS học cách đáp ứng thành công các đòi hỏi cơ bản liên quan đến môn học hoặc vượt ra ngoài phạm vi môn học và có khả năng thích ứng với cuộc sống sau này.

- Xác định khung năng lực cần đạt cho HS phổ thông còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội và văn hoá của mỗi quốc gia. Chẳng hạn, tiêu chí xác định khung năng lực của khối OECD là: Cá nhân hóa tối đa việc học tập; Người học có thể giải quyết và đáp ứng sự biến đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại; với mục tiêu giúp cho người học có khả năng thành công cao nhất trong cuộc sống, đặc biệt là trong hoạt động xã hội. Với cách lí giải đó, khung năng lực được đưa ra là: *Hành động một cách tự chủ, sáng tạo; Sử dụng công cụ một cách thông minh; Tương tác hoà đồng với nhiều nhóm xã hội.*

Đối với Việt Nam, khi nghiên cứu đề xuất *Khung năng lực chung, cơ bản cần đạt ở bậc phổ thông*, phải căn cứ vào một số nguyên tắc chính sau đây:

*Nguyên tắc 1: Phải căn cứ vào khung năng lực chung cần đạt của con người Việt Nam trong thời kì CNH-HĐH và hội nhập quốc tế*, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII và những yêu cầu cốt lõi trong định hướng giá trị của người Việt Nam trong thời kì CNH-HĐH; Đồng thời, dựa vào các kết quả nghiên cứu để xác định "các yếu tố quan trọng nhất mà người Việt Nam cần có để đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH là: (1) Năng lực suy luận trừu tượng; (2) Năng lực sáng tạo; (3) Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đặc biệt là năng lực vận dụng những hiểu biết vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống; (4) Năng lực hiểu và vận hành các cảm xúc để tích cực hoá tư duy, khả năng tự kiểm chế, điều chỉnh các cảm xúc, thấu hiểu sự diễn biến và mức độ cảm xúc của người khác trong hành động, trong hợp tác; (5) Năng lực tự học, tự trau dồi kiến thức trong suốt cuộc đời; (6) Năng lực thích ứng, cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, quốc tế hoá, mở cửa, hội nhập và đa văn hoá."

Vấn đề đặt ra là "GDPT phải thực sự đổi mới



mục tiêu, nội dung, đặc biệt là phương pháp dạy và học theo hướng tập trung phát triển năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng và năng lực sáng tạo của HS". Đó đó, khung năng lực cần xác định sao cho HS sau khi ra trường có đủ phẩm chất để tham gia và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, xã hội và cá nhân.

*Nguyên tắc 2: Phải xuất phát từ quy luật phát triển tâm lí, nhận thức và cơ sở khoa học của việc hình thành, phát triển năng lực*

*Nguyên tắc 3: Phải gắn liền với mục tiêu GDPT*

Trên cơ sở mục tiêu giáo dục được cụ thể hoá qua khung năng lực, chúng ta sẽ xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục,... cho thích hợp.

*Thứ nhất*, cần khẳng định, khung này là một loại "chuẩn", được thiết kế và sử dụng như là một bộ phận của chuẩn chương trình giáo dục. Vì vậy, việc xây dựng khung năng lực cần đạt của HS đồng nghĩa với việc xây dựng bộ "khung chuẩn" đối với HS.

*Thứ hai*, cần xem xét xem đây là khung chuẩn "bắt buộc" (tối thiểu) hay chỉ là khung chuẩn "khuyến nghị". Thông thường, chuẩn khuyến nghị sẽ cao hơn so với chuẩn bắt buộc.

Ở Việt Nam hiện nay, chúng ta đã có Bộ Chương trình GDPT (được phê duyệt 5/2006), trong đó có chuẩn kiến thức, kĩ năng của các lĩnh vực và yêu cầu về thái độ đối với HS từng cấp. Nó được xây dựng với tinh thần *chuẩn tối thiểu phải đạt*, trong khi nhiều nước trên thế giới (Hoa Kỳ, Anh, một số nước khác trong Liên minh Châu Âu...) lại quy định chuẩn ở mức độ trung bình có thể đạt được. Điều quan trọng nhất đó là đã xây dựng chương trình theo kết quả đầu ra, hình dung mô hình người học có được sau từng giai đoạn cũng như ở điểm cuối cùng của quá trình GD & ĐT.

Để hướng tới kết quả đầu ra và để tạo năng lực hành động cho người học, căn cứ vào các nguyên tắc nêu ở phần trên, chúng tôi đề xuất **khung năng lực chung - cơ bản của HS phổ thông Việt Nam**, gồm 4 nhóm năng lực cơ bản sau đây:

- *Năng lực nhận thức* đòi hỏi HS phải có các khả năng quan sát, ghi nhớ, tư duy (độc lập, logic, cụ thể, trừu tượng...), tưởng tượng, suy luận, tổng hợp- khái quát hoá, phê phán- bình luận, từ đó có khả năng phát hiện vấn đề, khả năng tự học, tự trau dồi kiến thức trong suốt cuộc đời,... Đây là kĩ năng tổ hợp gắn bó rất chặt chẽ với những kĩ năng, phương pháp và tri thức khoa học cụ thể như: Toán, Ngữ văn, Vật lí, Hóa học, Lịch sử...

- *Năng lực xã hội* đòi hỏi người HS phải có khả

năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết tình huống có vấn đề, vận hành được các cảm xúc, có khả năng thích ứng, cạnh tranh và khả năng hợp tác...

- *Năng lực thực hành* (hoạt động thực tiễn) đòi hỏi HS phải có các khả năng vận dụng tri thức (từ bài học cũng như từ thực tiễn), thực hành một cách linh hoạt (tích cực- chủ động), tự tin; có khả năng sử dụng các công cụ cần thiết, khả năng giải quyết vấn đề, sáng tạo, có tính kiên trì,...

- *Năng lực tự thân*: được thể hiện qua khía cạnh thể chất, đòi hỏi HS có khả năng vận động linh hoạt, biết chơi thể thao, biết bảo vệ sức khoẻ, có khả năng thích ứng tốt với môi trường; tiếp đó là khía cạnh hoạt động cá nhân đa dạng khác như khả năng lập kế hoạch, khả năng tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm,...

Mỗi nhóm năng lực bao gồm một số năng lực tổ hợp, mỗi năng lực tổ hợp lại bao gồm nhiều năng lực bộ phận, mỗi năng lực bộ phận này lại cấu thành từ một số năng lực chi tiết hơn. Các nhóm năng lực của người học không đứng tách biệt mà có sự đan xen và chuyển hóa dựa trên các yêu cầu học tập và thực tế cuộc sống. Năng lực được hình thành và phát triển khi học sinh giải quyết các nhiệm vụ khác nhau của các lĩnh vực học tập.

Trên cơ sở năng lực chung cần đạt, đồng thời căn cứ vào đặc điểm phát triển tâm - sinh lí lứa tuổi, mục đích và yêu cầu riêng của từng cấp học, môn học có thể xác định khung năng lực cần đạt cụ thể ở mỗi cấp học.

### **5. Các cấp độ phát triển của năng lực**

Có nhiều cách tiếp cận kĩ thuật để xây dựng chuẩn mức độ phát triển của năng lực. Hệ thống mục tiêu học tập do B.Bloom nghiên cứu và áp dụng là một trong những khung kĩ thuật rất hiệu quả để xây dựng các cấp độ thực hiện trong "chuẩn". Trong đó, phản ánh những hành động mà người học phải thực hiện và những kết quả mà họ phải đạt được, bao gồm: các dấu hiệu/biểu hiện về sự biết hay hiểu về tri thức; các dấu hiệu về sự biết làm/vận dụng tri thức vào việc làm/giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn; các dấu hiệu về sự biết đánh giá/phê phán, sáng tạo trong quá trình giải quyết các tình huống thực tiễn; và các dấu hiệu về sự biểu cảm của cá nhân trong quá trình hoạt động. Năng lực của người học cũng có thể được đánh giá theo 4 cấp độ sau đây:

1/ *Nhận biết, ghi nhớ, hiểu những tri thức đã học;*

2/ *Vận dụng tri thức đã học để giải quyết tình huống/bài tập đơn giản hoặc tương tự;*

3/ *Vận dụng tri thức đã học để giải quyết tình huống phức tạp hoặc tình huống mới;*

*(Xem tiếp trang 57)*